

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; số 120/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 85/2020/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Kiến trúc; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về việc lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1805/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định 229/QĐ-BGTVT ngày 22/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải;

Xét tờ trình số 148/TTr-BQLDA6 ngày 19/9/2022 của Ban Quản lý dự án 6 về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải, kèm theo phụ lục tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan đơn vị liên quan; báo cáo thẩm định nội bộ số 160/BQLDA6-BĐH80 ngày 05/10/2022; văn bản số 1683/BQLDA6-BĐH ngày 10/10/2022 của Ban Quản lý dự án 6; văn bản số 142-3-1/2022/BCKĐ/CONINCO/T.QL ngày 09/5/2022 báo cáo kết quả khảo sát, kiểm định đánh giá mức độ an toàn chịu lực kết cấu công trình của công ty Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONICO; văn bản số 41/2022/VCC ngày 31/5/2022 báo cáo kết quả thẩm tra kết quả khảo sát, kiểm định Dự án, văn bản số 56/VCC ngày 14/9/2022 báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam; văn bản số 253/HĐXD-QLDA ngày 25/8/2022 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải; văn bản số 425/KTXD-VP ngày 07/9/2022 của Cục Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng về việc ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải; kèm theo hồ sơ dự án do tư vấn thiết kế lập tháng 9/2022;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 314/CQLXD-DADT1 ngày 11/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Bộ GTVT (số 80 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội);

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 6;

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

- Tổ chức, sắp xếp lại phòng làm việc cho các cơ quan đơn vị trực thuộc và diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung phù hợp với biên chế và định mức quy định;

- Cải tạo môi trường làm việc thuận lợi, khoa học; đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình vận hành, sử dụng; đáp ứng yêu cầu để thực thi công vụ trong hoạt động quản lý Nhà nước của Bộ GTVT; giảm tối đa chi phí quản lý, vận hành và bảo trì tòa nhà.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Sửa chữa lớn nhà B, cải tạo nhà D đáp ứng diện tích làm việc, diện tích phụ trợ, diện tích phòng hội nghị, hội thảo; cải tạo hệ thống kỹ thuật đồng bộ, hiện đại (Hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống điện, điều hòa, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy, công nghệ thông tin, điện thoại, giám sát an ninh, chống sét...);

- Dỡ bỏ nhà C, nhà G để cải tạo cảnh quan, đảm bảo không gian cho phương tiện phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn;

- Cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo cảnh quan cho khu vực cơ quan Bộ GTVT, đảm bảo tính kết nối giữa các tòa nhà.

4.3. Giải pháp thiết kế:

4.3.1. Giải pháp quy hoạch:

a) Giải pháp quy hoạch tổng mặt bằng:

- Dỡ bỏ hai tòa nhà C, G có giá trị công năng thấp nhằm tăng cường không gian sân vườn, đáp ứng giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy; việc dỡ bỏ công trình xây dựng thực hiện tuân thủ quy định;

- Cải tạo cảnh quan khuôn viên (tại các vị trí dỡ bỏ nhà C, G, sau nhà A, sân vườn giữa nhà A, nhà D); mở thêm cổng phụ tại phố Dã Tượng, tạo đường giao thông dành cho phòng cháy chữa cháy xung quanh nhà D;

- Các chỉ tiêu quy hoạch đạt được sau cải tạo: (1) Diện tích lô đất khoảng 8.067,4 m²; (2) Diện tích xây dựng công trình khoảng 2.871,5 m²; (3) Số tầng cao xây dựng của công trình tòa nhà D: 07 tầng + 01 tum; (4) Mật độ xây dựng khoảng 35,6%.

b) Giải pháp san nền: San lấp phần phá dỡ, thảm bê tông nhựa toàn bộ sân đường nội bộ.

c) Giải pháp cấp điện ngoài nhà:

- Di chuyển, cải tạo và nâng công suất trạm biến áp công trình từ 1.250kVA lên 1.600kVA; trạm biến áp mới, lắp đặt tại khu vực sát hàng rào gần cổng phụ mở tại phố Dã Tượng; giữ nguyên phương thức cấp điện ban đầu và nguồn điện trung thế 22kV cấp đến trạm được đấu nối vào điểm đấu nối cũ tại phố Dã Tượng;

- Nguồn điện dự phòng cấp cho công trình từ máy phát điện, đặt sát hàng rào gần cổng phụ mở tại phố Dã Tượng.

d) Giải pháp cấp, thoát nước ngoài nhà:

- Điểm cấp nước của công trình được đấu nối với hệ thống cấp nước hạ tầng trên đường Trần Hưng Đạo theo hiện trạng, nước đi qua đồng hồ, cấp đến bể chứa nước (sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy) của nhà D được xây mới, bể chứa nước hiện trạng của nhà B và các tòa nhà khác giữ nguyên hiện trạng;

- Nước thải được thu gom bởi hệ thống đường ống, hố ga và dẫn về trạm xử lý nước thải chung được lắp đặt mới, đấu nối thoát ra hệ thống thoát nước thải của thành phố Hà Nội trên phố Dã Tượng;

- Nước mưa được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép và hố ga, đấu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội trên phố Dã Tượng.

e) Giải pháp tổ chức phòng cháy chữa cháy ngoài nhà: Thiết kế hệ thống chữa cháy ngoài nhà bằng trụ chữa cháy và trụ tiếp nước đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

4.3.2. Giải pháp thiết kế xây dựng cải tạo công trình

4.3.2.1. Giải pháp thiết kế xây dựng cải tạo nhà B

Nhà B thuộc danh mục các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954, việc cải tạo chỉnh trang nhà B theo yêu cầu và mục tiêu giữ nguyên hiện trạng, nội dung cải tạo:

- Khôi phục lại phần mái tòa nhà (thay thế, sửa chữa hỏng hóc, lợp lại mái hư hỏng);

- Chỉnh trang toàn bộ mặt ngoài (sửa chữa hư hỏng, trám vá những phần bong tróc, sơn lại toàn bộ mặt ngoài công trình);

- Cải tạo phần nội thất bên trong của tòa nhà (bao gồm trần, sàn, tường, hệ thống cửa đi, cửa sổ, khu vệ sinh, các chi tiết kiến trúc...) và cải tạo hệ thống kỹ thuật tòa nhà phù hợp (bao gồm điện, chống sét, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, điều hòa thông gió, phòng cháy chữa cháy, phòng, chống mối...).

4.3.2.2. Giải pháp thiết kế xây dựng cải tạo nhà D:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc mặt đứng công trình: Mặt đứng chính sử dụng kính 02 lớp; các mặt bên và mặt sau sử dụng giải pháp kết hợp giữa tường xây và kính.

b) Giải pháp thiết kế mặt bằng:

- Thiết kế đảm bảo các yếu tố thông gió, chiếu sáng tự nhiên, tiết kiệm năng lượng, tiện nghi về công năng, giao thông thuận lợi, không phá vỡ cấu trúc chính có sẵn;

- Mặt bằng các tầng bố trí phù hợp với nhu cầu công năng sử dụng của cơ quan Bộ GTVT.

c) Giải pháp thiết kế hệ thống giao thông đứng:

- Hệ thống thang bộ: Cải tạo giữ nguyên 01 thang bộ; làm mới, thay đổi vị trí 01 thang bộ phù hợp cho việc phân chia các phòng làm việc; tận dụng lại 01 thang sắt thoát hiểm ngoài trời sẵn có của tòa nhà, thay đổi vị trí cho phù hợp, đảm bảo thoát nạn cho hội trường;

- Hệ thống thang máy: Thay mới 02 thang máy, tận dụng 01 thang máy cũ, chuyển vị trí cụm thang máy ra trung tâm tòa nhà.

d) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Trên cơ sở hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát, kiểm định đánh giá chất lượng hiện trạng công trình, hồ sơ thiết kế kiến trúc cải tạo công trình, tư vấn thiết kế đề xuất biện pháp gia cố để đảm bảo khả năng chịu lực của hệ kết cấu tòa nhà D tại các vị trí cần thiết, giải pháp cải tạo gồm:

- Giải pháp gia cố hệ kết cấu nhà D cũ: Bổ sung cọc bê tông cốt thép; mở rộng đài móng hiện trạng; mở rộng tiết diện cột, dầm,... ;

- Giải pháp kết cấu cho hạng mục cải tạo nâng tầng là kết cấu bê tông cốt thép; vị trí cột mới trùng với vị trí cột hiện tại; phần mái hội trường, khu vực nhà ăn sử dụng giải pháp kèo thép và mái tôn để giảm tải trọng cho kết cấu hiện trạng;

- Vị trí mở rộng sàn và lắp các lỗ thông tầng sử dụng kết cấu bê tông cốt thép; dầm sàn mới khoan cấy cốt thép vào dầm sàn hiện trạng;

- Tường xây sử dụng gạch không nung (gạch nhẹ) để giảm tải trọng.

e) Giải pháp cấp điện:

- Nguồn điện từ hệ thống cấp điện ngoài cấp đến tủ điện tổng tại phòng kỹ thuật điện, từ đó phân phối lên các tủ điện tầng, các bảng điện phòng và cấp đến các phụ tải khác trong nhà;

- Hệ thống chiếu sáng: Sử dụng đèn âm trần cho các khu vực có trần giả; khu vực không có trần giả sử dụng đèn máng trần lắp nổi.

f) Giải pháp chống sét và nối đất:

- Hệ thống chống sét nhà D sử dụng giải pháp kim thu sét lắp trên tầng mái và hệ thống dây dẫn sét bằng cáp đồng kết nối xuống hệ thống nối đất;

- Hệ thống nối đất: gồm 03 hệ thống nối đất độc lập cho hệ thống điện, hệ thống nối đất điện nhẹ, hệ thống nối đất chống sét.

g) Giải pháp thiết kế hệ thống thông tin liên lạc bao gồm các hệ thống sau:

- Hệ thống mạng, thoại (LAN-TEL):

+ Hệ thống mạng nội bộ: Thiết kế hệ thống mạng theo mô hình hỗn hợp, tủ trung tâm hệ thống mạng được đặt tại phòng kỹ thuật tổng; tại các tầng bố trí các tủ đầu dây trung gian đặt trong các phòng kỹ thuật các tầng;

+ Cáp trục từ trung tâm đến các tủ đầu dây sử dụng cáp quang;

- Hệ thống điện thoại: Sử dụng hệ thống điện thoại IP, tổng đài, tủ trung tâm đặt tại phòng trực phòng cháy chữa cháy và an ninh;

- Hệ thống âm thanh thông báo: Tủ trung tâm được đặt tại phòng trực phòng cháy chữa cháy; các loa được bố trí phân vùng thông báo phù hợp công năng của từng khu vực;

- Hệ thống camera giám sát và kiểm soát ra vào: Bố trí camera giám sát tại các lối ra vào, sảnh, hành lang các khu vực cần giám sát liên tục và hệ thống kiểm soát ra, vào tại các vị trí quan trọng; tủ trung tâm đặt tại phòng trực phòng cháy chữa cháy và an ninh;

- Hệ thống quản lý tòa nhà: Thiết kế để giám sát, vận hành các hệ thống kỹ thuật của tòa nhà, được thiết kế truyền thông 3 cấp, tích hợp giải pháp quản lý từ xa.

h) Giải pháp hệ thống điều hòa thông gió và cấp thoát nhiệt:

- Hệ thống điều hòa: Sử dụng hệ thống điều hòa bán trung tâm;

- Hệ thống thông gió: Hệ thống cấp gió tươi vào không gian điều hòa, sử dụng các quạt trục treo trần kết hợp với đường ống và miệng gió; các khu vệ sinh sử dụng hệ thống quạt trục treo trần và đường ống gió thải ra ngoài; khu vực phòng kỹ thuật, kho sử dụng quạt gắn tường kết hợp với cửa lấy gió ngoài.

i) Giải pháp hệ thống cấp, thoát nước:

- Hệ thống cấp nước: Nước từ hệ thống cấp nước ngoài nhà qua đồng hồ tổng vào bể chứa nước ngầm; sử dụng hệ thống bơm đặt tại phòng bơm. Hệ thống cấp nước nóng sử dụng bình nước nóng cục bộ;

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt của nhà D sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ thoát vào hệ thống đường ống về trạm xử lý nước thải chung của dự án trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố;

- Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa mái, ban công được thu gom bằng hệ thống ống đứng, đầu nối với hệ thống thoát nước ngoài nhà.



Handwritten signature

k) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

- Hệ thống báo cháy tự động: Trung tâm báo cháy đặt trong phòng trực phòng cháy chữa cháy; hệ thống tổ hợp chuông, đèn, nút ấn báo cháy tại các lối thoát nạn các tầng;

- Hệ thống chữa cháy trong nhà bao gồm:

+ Hệ thống chữa cháy bằng nước: Bao gồm hệ thống chữa cháy tự động và hệ thống chữa cháy vách tường;

+ Hệ thống chữa cháy bằng khí: Bố trí cho các phòng kỹ thuật điện.

- Hệ thống chiếu sáng sự cố: lắp đặt các loại đèn chỉ hướng thoát hiểm (Exit), và các đèn chiếu sáng sự cố có ắc quy dự phòng; nguồn điện cấp cho các đèn Exit, đèn chiếu sáng sự cố từ tủ điện các tầng và nguồn dự phòng;

- Dây, cáp và hệ thống trang thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định về phòng cháy chữa cháy.

h) Giải pháp phòng, chống mối: Sử dụng thuốc diệt mối lây nhiễm; tạo hàng rào thuốc trong đất theo yêu cầu sử dụng của công trình.

5. Nhà thầu khảo sát, kiểm định đánh giá mức độ an toàn chịu lực kết cấu công trình, lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - Coninco và Công ty Cổ phần Kiến trúc xây dựng quốc tế 1+1>2;

6. Địa điểm thực hiện dự án: Bộ GTVT, số 80 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính.

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; công trình cấp I;

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Thời gian sử dụng theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công;

- Danh mục tiêu chuẩn: Theo Quyết định số 1250/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	89.557.118.076 đồng;
- Chi phí thiết bị:	33.660.792.642 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.241.735.565 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.464.864.872 đồng;
- Chi phí khác:	3.306.255.239 đồng;
- Chi phí dự phòng:	12.769.233.606 đồng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2021 đến năm 2023;

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022: 14 tỷ đồng (bao gồm kế hoạch vốn đã giao là 1,192 tỷ đồng), năm 2023 khoảng 54,9 tỷ đồng, năm 2024 khoảng 70 tỷ đồng và năm 2025 khoảng 11,1 tỷ đồng.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Áp dụng hình thức chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc;

13. Các nội dung khác

Ban Quản lý dự án 6 chịu trách nhiệm:

- Thực hiện các nội dung nêu tại Báo cáo thẩm định số 314/CQLXD-ĐAĐT1 ngày 11/10/2022 của Cục Quản lý đầu tư xây dựng;

- Chỉ đạo tư vấn thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, giao nộp hồ sơ và tài liệu cần thiết theo quy định cho các cơ quan có liên quan và lưu trữ tuân thủ quy định hiện hành;

- Chỉ đạo tư vấn thiết kế căn cứ số liệu khảo sát trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở được duyệt, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án, tính chất kỹ thuật của công trình để tiếp tục rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng, phân tích, so sánh lựa chọn giải pháp thiết kế cho phù hợp, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật, ổn định công trình lâu dài, phát huy hiệu quả đầu tư;

- Kiểm tra, rà soát, thực hiện thủ tục đăng ký bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Thực hiện các nội dung thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của cơ quan chuyên môn về xây dựng - Bộ Xây dựng nêu tại văn bản số 253/HĐXD-QLDA ngày 25/8/2022 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng và văn bản số 425/KTXD-VP ngày 07/9/2022 của Cục Kinh tế xây dựng;

- Chỉ đạo các đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan nghiên cứu tính toán lập biện pháp tổ chức thi công cho phù hợp, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong thi công xây dựng và không ảnh hưởng (sụt, lún, rạn nứt,...) đến công trình lân cận; lập biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý nước, rác thải theo quy định;

- Lập kế hoạch triển khai thi công, kế hoạch sử dụng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/3/2021, khẩn trương hoàn thành Dự án đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

(Các nội dung khác chấp thuận như hồ sơ trình duyệt)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ban Quản lý dự án 6:

- Căn cứ quyết định phê duyệt dự án đầu tư, triển khai các thủ tục tiếp theo tuân thủ quy định;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ GTVT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ đầu tư trong quá trình quản lý, thực hiện dự án, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, bảo đảm việc sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, đúng quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Khoa học - Công nghệ và Môi trường; Chánh Văn phòng Bộ Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng; Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin; Giám đốc Ban Quản lý dự án 6 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước trung ương;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
- Các đơn vị có liên quan (chủ đầu tư sao gửi);
- Lưu: VT, CQLXD.(Trình)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Danh Huy